



TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC CỦA CÁC NHÀ SỬ HỌC VIỆT NAM THẾ KỶ XV - XVII

MINH ANH(*)

Trong bài viết này, chúng tôi trình bày và phân tích tư tưởng triết học của các sử gia Việt Nam thế kỷ XV - XVII qua tác phẩm Đại Việt sử ký toàn thư. Đó là các tư tưởng về sự vận động xã hội là do trời định; về vấn đề dân tộc, đất nước; về vai trò của nhân dân trong lịch sử; về quy luật xây dựng một xã hội thanh bình, thịnh trị. Theo đó, những tư tưởng này không chỉ có giá trị trong lịch sử mà còn có ý nghĩa đối với cả ngày nay.

Trong lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam, chúng ta không thể không nhắc đến tư tưởng của các sử gia Việt Nam. Bởi các sử gia Việt Nam thường là những bậc đại khoa. Họ vừa là những trí thức lớn lại vừa là những người nắm giữ nhiều chức vụ quan trọng trong triều đình. Vì vậy, các sử gia không thể không chịu ảnh hưởng của hệ tư tưởng Nho giáo. Với quan niệm "ôn cố tri tân", các sử gia Việt Nam muốn thông qua sử để để lại những bài học cho đời. Phạm Công Trứ cho rằng, "có chính trị của một đời tất phải có sử của một đời". Sử là để "ghi chép quốc thống lúc lia, lúc hợp, để tỏ rõ trị hóa khi thịnh khi suy"(1). Từ việc ghi chép đó, các sử gia có tham vọng tìm ra những quy luật chung nhất của xã hội. Họ tin những tìm tòi của họ sẽ giúp cho các vua chúa nói chung và các thành viên trong xã hội nói riêng tránh khỏi những sai lầm trong hành động. Từ việc tránh được những sai lầm đó, họ hy vọng xã hội sẽ được ổn định, thái bình. Do đó, theo họ, nhiệm vụ của người viết sử là phải "giữ nghị luận rất nghiêm,

ca ngợi đời thịnh trị thì sáng tỏ ngang với mặt trời mặt trăng, lên án kẻ loạn tặc thì gay gắt như sương thu lạnh buốt. Người thiện biết có thể bắt chước, người ác biết có thể tự răn"(2). Ngô Sĩ Liên cũng nói rõ mục đích viết sử là "thiện ác phải làm rõ ràng trong khen chê" để "treo gương răn cho đời sau"(3). Vì vậy, thông qua sách sử, các sử gia đã để lại không ít tư tưởng triết học của mình.

Chúng ta có thể nhận thấy các tư tưởng triết học của các sử gia thế kỷ XV - XVII qua *Đại Việt sử ký toàn thư* - một bộ sách tổng kết lại toàn bộ lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Cuốn sách lấy đối tượng nghiên cứu là xã hội Việt Nam trước kia và được viết theo kiểu "ôn cố tri tân". Qua cuốn sách này, các sử gia muốn chỉ rõ những nguyên nhân được - mất, thịnh - suy của đất nước. Từ đó, họ

(*) Nghiên cứu viên, Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

(1), (2) *Đại Việt sử ký toàn thư*, t.1. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1983, tr.76.

(3) *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sđd., t.1, tr. 81.

muốn mọi người nhận biết được những quy luật chung của sự phát triển xã hội.

Trước hết, các sử gia Việt Nam thế kỷ XV-XVII đều coi mọi cuộc vận động của xã hội là do trời định. Trời là đấng tối cao. Trời cho thì được. Trời không cho thì mất. Trời là một thế lực thần bí đứng trên con người, quyết định mọi sự biến đổi của con người và xã hội. Vì thế, trong mọi sự thành hay bại của các cuộc vận động lịch sử, các sử gia đều gán cho ông trời. Chẳng hạn, họ viết: "Thời Ngũ Đại bên Bắc triều (Trung Quốc) suy loạn rồi Tống Thái Tổ nổi lên. Ở Nam triều (nước ta), 12 sứ quân phân chia quấy nhiễu, rồi Đinh Tiên hoàng nổi lên. Không phải ngẫu nhiên mà do vận trời vậy"(4). Hay "Trận đánh ở Sái Già, Đặng Dung, Nguyễn Suý đem tàn quân trợ trợ chống lại bọn giặc hùng mạnh, quân tướng đều tinh nhuệ. Dung nửa đêm đánh úp doanh trại giặc, làm cho tướng giặc sợ hãi chạy trốn, đốt hết thuyền bè, khí giới của chúng, không phải người có tài thực sự làm tướng, thì có làm được như thế hay không? Thế nhưng cuối cùng vẫn bại vong, đó là do trời"(5).

Mặt khác, các sử gia lại coi trời đó là hợp lẽ, là lẽ phải. Trời còn là sự biểu hiện của ý chí con người. Theo Ngô Sĩ Liên, "Việc Cao Biền đào kênh sao mà kỳ dị thế? Đó là vì việc làm hợp lẽ, cho nên được trời giúp. Trời là lẽ phải... Vua Vũ trị thủy, nếu không hợp lẽ thì trời do đâu mà tác thành được? đất do đâu mà bằng phẳng được? Công hiệu đến mức rùa sông Lạc hiện điềm lành, thế không phải là trời giúp ư? Xem như lời của Biền nói: "Nay khai đường biển để giúp sinh dân, nếu không theo lòng

riêng thì có gì khó?. Lòng thành phát ra lời nói, thì lời nói ấy há chẳng là thuận ư? Lòng tin thành thực cảm thông đến cả vàng đá, huống nữa là trời? Việc gì trời đã giúp sức là thuận"(6).

Trời còn là sự phản ánh khát vọng của con người. Cái gì con người mong muốn thì trời cũng muốn. Do vậy, Ngô Sĩ Liên mới nói: "Lý (Thái) Tổ dấy lên, trời mở điềm lành hiện ra ở vết cây sét đánh. Có đức tất có ngôi bởi lòng người theo về, lại vừa sau lúc Ngọa Triều hoang dâm bạo ngược mà vua thì vốn có tiếng khoan nhân, trời thương tìm chủ cho dân, dân theo về người có đức, nếu bỏ vua thì còn biết theo ai!"(7). Hay cho rằng, nếu "người làm vua thận trọng trước sự răn bảo của trời, lo lắng làm hết phận sự của người, thì đó là đạo văn hồi tai biến của trời vậy. Nhà Tống đã không văn hồi được tai biến của trời, mà nước Việt ta rồi cũng bị giặc Hồ xâm lấn. May mà vua tôi cùng lo, quân dân chung sức, cuối cùng diệt trừ được giặc Bắc và hoàn thành võ công đại định. Vì thế mới nói: Thận trọng trước sự răn bảo của trời, làm hết phận sự của người là cái đạo văn hồi tai biến của trời vậy"(8). Như vậy, có thể nói, ông trời trong tư tưởng của các sử gia không phải là một cái gì đó quá ư thần bí. Ông trời ở đây gần bó mật thiết với con người. Trời giống như quy luật của xã hội. Ai đi đúng quy luật thì thành. Ai đi trái quy luật thì bại. Quy luật đó đã được các sử gia nêu lên rất rõ là: ai là người có đức thì

(4) *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sđd., t.1, tr. 203.

(5) *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sđd., t.2, tr. 234-235.

(6) *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sđd., t.1, tr. 193.

(7) *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sđd., t.1, tr. 257.

(8) *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sđd., t.2, tr. 43.

được nước, vì trời chỉ giúp người có đức; ai được lòng người theo về thì được nước, trái lại thì mất nước...

Thứ hai, về vấn đề dân tộc, đất nước. Các sử gia Việt Nam thế kỷ XV - XVII luôn khẳng định chủ quyền của dân tộc Việt. Để khẳng định điều đó, họ thường lấy Bắc triều làm đối tượng so sánh và phân định. Theo họ, chủ quyền này đã tồn tại và phát triển trên cả phương diện không gian và thời gian, cả trên mặt chính trị và văn hóa tinh thần. Đất Việt và dân tộc Việt đã được trời định, không ai có thể xóa bỏ.

Các sử gia khẳng định, nước Đại Việt là một thể thống nhất. Nước Đại Việt có một không gian xác định và một quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước lâu dài. Chủ quyền này đã được phân định rõ ngay từ khi trời đất định vị. Sách trời ghi rõ sông núi nước Nam có hoàng đế nước Nam cai trị. *Đại Việt sử ký toàn thư* viết: "Nước Đại Việt ở phía nam Ngũ Lĩnh, thế là trời đã phân chia giới hạn Nam - Bắc. Thủy tổ của ta là dòng dõi Thần Nông, thế là trời đã sinh chân chúa, có thể cùng với Bắc triều mỗi bên làm đế một phương"(9). Lịch sử của nước Đại Việt đã chứng minh "Phương Bắc dẫu lớn mạnh nhưng không thể đè nén được phương Nam, cứ xem các thời Lê, Lý, Trần cũng đủ biết"(10). Sự thật ấy đã chứng tỏ tính độc lập và sự ngang bằng của nước Đại Việt bên cạnh nước Trung Hoa.

Để nhấn mạnh tính độc lập và sự ngang bằng đó, các sử gia đã lưu ý đến sự khác biệt về chính trị và văn hoá tinh thần. Theo các ông:

"Xét như nước Đại Việt ta,
Thực là một nước văn hiến.
Cõi bờ sông núi đã riêng,

Phong tục Bắc Nam cũng khác.

Trải Triệu, Đinh, Lý, Trần nổi đời dựng nước,

Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên đều chủ một phương.

Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau,

Song hào kiệt không bao giờ thiếu"(11).

Trong đó, cái "phong tục Bắc Nam cũng khác" ấy đã được sử gia Phan Phu Tiên dẫn chứng từ vua Minh Tông đời nhà Trần. Theo ông, vua "Minh Tông có bả tính nhân hậu, nối nghiệp thái/bình, phép cũ của tổ tông, không thay đổi gì cả... Triều thần như bọn Lê Bá Quát, Phạm Sư Mạnh muốn thay đổi chế độ. Vua nói: "Nhà nước đã có phép tắc riêng, Nam Bắc khác nhau, nếu nghe kể của bọn học trò mặt trắng tìm đường tiến thân thì sinh loạn ngay"(12).

Thứ ba, các sử gia đã nêu lên tư tưởng về vai trò của nhân dân trong lịch sử - dân là gốc của nước.

Trong việc dựng nước và giữ nước, các sử gia đã nêu lên một chân lý: nếu được sự ủng hộ của dân chúng thì không kẻ thù xâm lược nào mà không bị đánh bại. Ngô Sĩ Liên nói: "Cùng lòng, cùng đức, tất sự nghiệp có thể thành. Có vua, có tôi, gian hiểm nào cũng vượt được"(13). Vì thế, "Trưng Trắc, Trưng Nhị là đàn bà, hô một tiếng mà các Quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố, cùng 65 thành ở Lĩnh Ngoại đều hưởng ứng, việc dựng nước xưng vương dễ như trở bàn tay"(14). Quân Nguyên mạnh

(9) *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sđd., t.1, tr. 79.

(10) *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sđd., t. 2, tr. 291.

(11) *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sđd., t.2, tr. 284.

(12) *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sđd., t.2, tr. 137-138.

(13) *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sđd., t.1, tr. 254.

(14) *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sđd., t.1, tr. 146.

như vậy, mà ba lần xâm lăng đều bị quân dân Đại Việt đánh cho tan tành cũng là nhờ có sự đồng lòng muôn người như một. Tinh thần đoàn kết chống giặc được thể hiện rõ ở thêm diện Diên Hồng. Theo sử thần Ngô Sĩ Liên, việc hỏi kế ở các phụ lão là để củng cố sự đoàn kết toàn dân. Vua "Thánh Tông muốn làm thế để xét lòng thành ủng hộ của dân chúng, cũng để dân chúng nghe lời dụ hỏi mà cảm kích hăng hái lên"(15). Còn Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn, khi tổng kết kế sách giữ nước chống giặc xâm lược, đã nói: "Đời Đinh, Lê... trên dưới một dạ, lòng dân không lìa, xây thành Bình Lỗ mà phá được quân Tống... Vừa rồi Toa Đô, Ô Mã Nhi bốn mặt bao vây vì vua tôi đồng tâm, anh em hòa mục, nước nhà góp sức, giặc phải bị bắt"(16). Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của nhân dân ta ở thế kỷ XX một lần nữa khẳng định tính chân lý của quy luật này. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Sử ta dạy cho ta bài học này: Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại, lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lược"(17).

Như vậy, có thể thấy, các sử gia đã nhận thức được rằng, dân là lực lượng chủ yếu trong việc dựng nước và giữ nước. Được nước hay mất nước đều là do được hay mất lòng dân. Nếu cai trị dân mà coi dân như rơm, như rác, tàn ác với dân thì việc mất nước là tất yếu. Ngô Sĩ Liên dẫn chứng lịch sử: "Vua Kiệt nhà Hạ thích giết người, đến nỗi có hình phạt leo cột đồng nung đỏ, vua Trụ nhà Thương thích giết người đến nỗi có việc chặt đùi người tội nước buổi sáng, tuy có Long Bàng, Ty Can là người hiền hết

lòng trung cố sức can ngăn mà đều bị giết, vì thế mất nước một cách đột nhiên. Đời sau những vua thích giết người như Tôn Hạo nước Ngô cũng nhiều, cuối cùng đều diệt vong cả. Ngọa Triều không những chỉ thích giết người, lại còn oán vua cha không lập mình (làm thái tử), đánh đau người Man cho họ kêu gào nhiều lần phạm húy cha mà lấy làm thích, như thế còn tệ hơn nữa. Mất nước mau chóng, há phải không do đâu mà ra?"(18). Hay theo các sử gia, vua Cao Tông nhà Lý chỉ "mê mãi rong chơi, say đắm thanh sắc, ham tiền của, thích xây dựng, dạy tính lười tham cho các quan, gây lòng ta oán ở trăm họ, làm cho cơ đồ nhà Lý phải hao mòn, đến nỗi mất nước"(19).

Ngược lại, các sử gia cũng cho rằng, nếu được lòng dân thì được nước. Hiểu được điều đó, Lê Lợi đã "lệnh chỉ cho các ngôn quan rằng: Nếu thấy trăm có chính lệnh hà khắc, thuế má nặng nề, ngược hại lương dân, thưởng công phạt tội không đúng, không theo đúng phép xưa, hay các đại thần, quan lại, tướng hiệu, quan chức trong ngoài không giữ phép, nhận hối lộ, nhiều hại lương dân, thiên tư phi pháp, thì phải dâng sớ đàn hặc ngay"(20). Hoặc "lệnh chỉ cho các đại thần trăm quan rằng: "Từ nay về sau, nếu viên quan nào bàn một việc gì, đều phải lấy việc quân, việc dân làm điều cần kíp"(21). Vì vậy, khi vua "nổi dậy,

(15) *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sđd., t.2, tr. 48.

(16) *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sđd., t.2, tr. 77.

(17) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.3. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 217.

(18) *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sđd., t.1, tr. 236.

(19) *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sđd., t.1, tr. 360.

(20) *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sđd., t.2, tr. 300.

(21) *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sđd., t.2, tr. 303.

nghĩa binh đi đến đâu, quân Minh đều thua chạy, có phải vì ta nhiều địch ít, ta mạnh địch yếu mà chúng không chống nổi đâu? Là vì đức của vua hợp với lẽ trời, nên trời giúp cho, làm đẹp lòng người nên người theo về, không những là người nước ta vui vẻ thuận phục, mà cả đến bọn phản nghịch cũng tôn kính như vậy, nên chúng không còn chí chiến đấu và đều ra hàng là phải lắm!"(22). Về việc này, các sử thần nhận xét: "Vua dấy nghĩa binh, chưa từng giết bừa một người nào. Chỉ biết lấy mềm chống cứng, lấy yếu địch mạnh, lấy ít thắng nhiều, không đánh mà khuất phục được binh người, cho nên có thể đổi vận bĩ sang vận thái, chuyển thế nguy thành thế yên, đổi cuộc loạn thành cuộc trị. Câu "Người có nhân, thiên hạ không ai địch nổi" chính hợp với vua"(23).

Theo các sử gia, dân còn là lực lượng chủ yếu trong công cuộc cải tạo và xây dựng đất nước. Sức dân có thể bất tự nhiên phục vụ lại mình. Thông qua việc đào kênh của Cao Biền, Ngô Sĩ Liên nhận xét: "Đất có chỗ hiểm, chỗ bằng, đó là lẽ thường. Sức người có thể vượt hiểm được, đó cũng là lẽ thường. Nếu hiểm mà không được thì trời phải nhờ đến tay người làm gì?"(24).

Thứ tư, về quy luật xây dựng một xã hội thanh bình, thịnh trị; một đời sống ấm no, hạnh phúc. Các sử gia Việt Nam thế kỷ XV - XVII đều xuất thân từ cửa Khổng, sân Trình. Họ là các nhà Nho phục vụ trong các triều đại mà Nho giáo đang dần chiếm vị trí thống trị. Vì thế, xã hội Tiểu khang và xã hội Đại đồng của Nho giáo là lý tưởng của họ. Để xây dựng xã hội đó, theo họ, cần phải có một chính sách cai trị nhân nghĩa, mỗi người cần phải tự tu dưỡng bản thân

và sống theo đúng đạo cương thường. Theo họ, đạo cương thường và đường lối nhân trị là quy luật bất biến của mọi thời đại để xây dựng một xã hội thái bình thịnh trị.

Đối với các sử gia, đạo cương thường là đạo trời. Mọi mối quan hệ xã hội là tự nhiên, bất biến và do trời định. Các mối quan hệ đó là: vua - tôi, cha - con, vợ - chồng, anh em, bạn bè. Thực chất, năm mối quan hệ đó có thể gói gọn lại trong ba mối quan hệ cơ bản là vua - tôi, cha - con, vợ - chồng. Ba mối quan hệ giềng mối này được Nho giáo gọi là Tam cương. Đối với Nho giáo, Tam cương được coi là quy luật bất biến của xã hội. Vì vậy, Lê Tung nói: "Thần nghe sách Chu Dịch nói: "Có trời đất rồi sau mới có muôn vật, có muôn vật rồi sau mới có vợ chồng. Có vợ chồng rồi sau mới có cha con, có cha con rồi sau mới có vua tôi". Đó là lý do khiến cho đạo cương thường được sáng tỏ. Sách Đại học nói: "Lòng có chính thì sau mới sửa mình được, sửa mình thì sau mới tề nhà được, tề nhà thì sau mới trị nước được, nước trị thì sau thiên hạ mới bình". Đó là lý do khiến cho đạo trị bình được thi hành. Xem thể thì đạo trời đất không thể ngoài cương thường mà lập giới hạn, đạo đế vương há có thể ngoài cương thường mà yên trị được sao!"(25). Còn Phan Phu Tiên cho rằng: "Tam cương ngũ thường là luân lý lớn của loài người"(26). Ngô Sĩ Liên thì coi "Tam cương là đạo thường của muôn đời, không thể một ngày rối loạn"(27). Qua đó, có thể thấy, dưới con

(22) *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sđd., t.2, tr. 268.

(23) *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sđd., t.2, tr. 309.

(24) *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sđd., t.1, tr. 193.

(25) *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sđd., t.1, tr. 99.

(26) *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sđd., t.2, tr. 14.

(27) *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sđd., t.1, tr. 218.

mất của các sử gia, cương thường là quy luật chung nhất của xã hội. Họ lấy cương thường làm tiêu chuẩn để xem xét sự thịnh - suy, được - mất của các triều đại. Theo Lê Tung, "Nhà Đinh dấy lên, tuy do số trời, nhưng đến lúc suy là do tam cương không chính. Tiên hoàng bỏ con đích lập con nhỏ, mà ân tình cha con trái lìa; lập năm hoàng hậu ngang nhau mà tình nghĩa vợ chồng rối loạn, yêu dùng Đỗ Thích để thành họa cướp ngôi giết vua, mà đạo vua tôi không còn... Đại Hành dấy lên tuy là do lòng dân chúng, kịp đến khi mất cũng do tam cương không chính. Đại Hành phế con Đinh hoàng, giáng làm Vệ vương, thế là không có nghĩa vua tôi, sinh được chính con trai mà không sớm lập thái tử, thế là không có ân cha con. Lập đến năm hoàng hậu mà lại gian dâm với bề trên là Đinh hậu, thế là không có đạo vợ chồng; chỉ biết có lòng dục mà không biết tình nghĩa, chỉ biết có mình mà không biết có con, thích giết chết mà không thích làm sống, thích hình phạt mà không thích ân đức, mình chết thì nước cũng bị diệt theo, là do chứa chất điều bất nhân vậy"(28).

Theo các sử gia, tuy đạo cương thường là đạo trời, nhưng việc thực hiện nó lại là của con người. Vì thế, một xã hội thái bình thịnh trị phụ thuộc trước hết vào mỗi con người cụ thể. Ngô Sĩ Liên nói: "Gốc của thiên hạ là ở nước, gốc của nước là ở nhà, gốc của nhà là ở mình. Có dạy được người nhà mình thì sau mới có thể dạy người trong nước. Đời Đường Ngu thịnh trị chẳng qua cũng là như vậy. Kinh Thư ca ngợi Đế Nghiêu dẫn dắt muôn dân bỏ ác làm thiện, đi tới thịnh trị, thì hẳn là vì trước hết ông biết thân yêu họ hàng, cũng tức là đã thực

hiện giáo hóa bắt đầu từ trong nhà vậy. Tôi đọc sử chép về Anh Tông, thấy không ngần ngại sửa bỏ lỗi lầm, kính cẩn thờ phụng cha mẹ, hòa mục với họ hàng, truy tổ tiên làm đế làm hậu, chu đáo trong cúng tế, thận trọng trong tang lễ, đều là phải đạo; trong nhà đủ lắm khuôn phép, người ngoài bắt chước theo. Cho nên trên thì Nhân Tông khen là hiếu, dưới thì Minh Tông tuân khuôn phép. Nước trở nên văn minh, dân tới chỗ giàu thịnh. Như thế chẳng phải là hiệu quả trị nước vốn gốc ở tu thân tế gia là gì?"(29). Như vậy, các sử gia đã coi việc tu dưỡng bản thân cũng như việc giáo dục trong gia đình và xã hội là quy luật chung nhất của mọi xã hội. Mọi người có giữ được cương thường hay không đều là nhờ vào sự học tập và giáo dục. Từ đó, Ngô Sĩ Liên, khi nhận xét về vua Thái Tông, đã cho rằng: "Thái Tông mắc vào tội lỗi là do người dẫn lối, mà ẩn nhẫn để trọn nghĩa anh em cũng lại do người dẫn lối. Đó là vì tuy có tư chất tốt đẹp trời phú cho, nhưng chưa có học thức. Đến khi tuổi cao, lý lẽ sáng tỏ, đạo đức tăng tiến, thì phải chăng điều đó có được là từ thánh học?"(30). Hoặc "Cái đức của Minh Tông mà nên được, tuy là do thiên tư tốt đẹp, cũng còn do sức dạy bảo của vua cha"(31). Vì thế, "Các đế vương đời xưa, sở dĩ thánh đức ngày một tăng lên, chưa có bậc nào là không do học vấn"(32).

Thực ra, việc tu dưỡng bản thân mà các sử gia nói đến chính là tu dưỡng đạo làm

(28) *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sđd., t. 1, tr. 105.

(29) *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sđd., t.2, tr. 105-106.

(30) *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sđd., t.2, tr. 40.

(31) *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sđd., t.2, tr. 138.

(32) *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sđd., t.2, tr. 332.

người. Đạo làm người của Nho giáo chính là đạo nhân. Còn việc học vấn mà các sử gia nói đến chính là đạo trị bình của Nho giáo. Đạo trị bình của Nho giáo chính là việc thực thi đường lối nhân chính. Đường lối nhân chính đặt vấn đề yêu thương dân, quan tâm đến lợi ích của dân chúng lên trên hết. Các sử gia cho rằng, nếu thực thi đường lối nhân chính thì sẽ được dân chúng tin yêu, lòng người sẽ hướng về triều đình. Vì thế, theo họ, thực hiện nhân nghĩa với dân là quy luật để trị nước an dân. "Nhân nghĩa càng sâu thì ảnh hưởng càng xa". Chỉ có "chinh phục bằng nghĩa, đánh dẹp bằng nhân"(33), thì nhân dân mới được yên bình, nước nhà mới được thuận trị. Đối với họ, pháp lệnh không bằng nhân nghĩa, nhân nghĩa là vô địch. Do đó, khi vua Lê Thái Tổ nổi dậy, "nghĩa binh đi đến đâu, quân Minh đều thua chạy, có phải vì ta nhiều địch ít, ta mạnh địch yếu mà chúng không chống nổi đâu? Là vì đức của vua..., làm đẹp lòng người nên người theo về, không những là người nước ta vui vẻ thuận phục, mà cả đến bọn phản nghịch cũng tôn kính như vậy, nên chúng không còn chí chiến đấu và đều ra hàng là phải lắm! Thế thì việc dấy quân nhân nghĩa của vua có những chỗ rục rờ hơn so với Thang Vũ, mà qua việc này lại càng nổi bật"(34).

Tóm lại, trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, các sử gia Việt Nam ở thế kỷ XV - XVII đã chỉ ra những quy luật chung nhất cho việc xây dựng một xã hội thái bình thịnh trị. Đó là khẳng định sự độc lập, tự chủ của đất nước Việt Nam qua việc so sánh, đối chiếu với Bắc triều. Sự độc lập, tự chủ này đã được trời đất giám định và là một chân lý không thể chối cãi. Các sử gia cũng chỉ ra

quy luật chung nhất để xây dựng và bảo vệ đất nước. Quy luật đó là đoàn kết. Xuyên suốt cuốn sách, các sử gia đã chứng minh sự thành - bại, được - mất của đất nước đều là do có được sự đoàn kết toàn dân hay không. Trong sách, các sử gia còn chỉ ra quy luật chung nhất để xây dựng được một xã hội dân giàu, nước mạnh, đó là phải thực thi một đường lối nhân trị. Người cai trị phải có đạo đức, lòng nhân ái và biết làm gương trong việc dẫn dắt dân chúng. Phải biết lo cái lo trước thiên hạ, vui cái vui sau thiên hạ. Toàn bộ cuốn sách còn chỉ rõ quy luật chung của mọi xã hội là: Dân là gốc nước. Dân là người xây dựng đất nước phồn thịnh trong thời bình và là người chiến sĩ bảo vệ đất nước trong thời chiến. Vì vậy, theo họ, mọi chính sách cần phải lấy việc khoan thư sức dân làm đầu. Để có thể xây dựng được một xã hội dân giàu, nước mạnh, các sử gia cũng cho rằng, cần phải động viên sức lao động của toàn dân và thực hành tiết kiệm. Họ phê phán gay gắt mọi tệ nạn lãng phí và mê tín dị đoan, bỏ bê công việc sản xuất.

Cho đến nay, những quy luật xã hội mà các sử gia của thế kỷ XV - XVII chỉ ra vẫn còn giá trị. Đặc biệt là tư tưởng lấy dân làm gốc, tư tưởng đại đoàn kết toàn dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thắng lợi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước không thể không trông đợi vào sự đoàn kết của toàn dân, vào sự đóng góp của mỗi người dân. □

(33) *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sđd., t.2, tr.291.

(34) *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sđd., t.2, tr.268.